

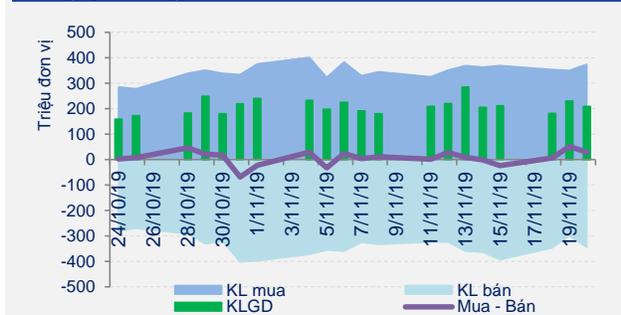
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 20/11/19

| Thống kê thị trường | HOSE | HNX |
|---------------------|-------------|------------|
| Index | 1,000.56 | 104.91 |
| % Thay đổi | ↓ -0.77% | ↓ -0.55% |
| KLGD (CP) | 208,254,980 | 17,253,884 |
| GTGD (tỷ đồng) | 4,352.61 | 207.27 |
| Tổng cung (CP) | 345,568,410 | 43,074,800 |
| Tổng cầu (CP) | 374,151,350 | 40,916,700 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|-------------------|------------|---------|
| KL bán (CP) | 13,086,630 | 895,900 |
| KL mua (CP) | 14,586,050 | 688,000 |
| GTmua (tỷ đồng) | 618.52 | 4.89 |
| GT bán (tỷ đồng) | 632.29 | 8.60 |
| GT ròng (tỷ đồng) | (13.77) | (3.72) |

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



| Ngành Cấp 1 | % thay đổi | P/E | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|------|-----|--------|
| Công nghệ Thông tin | ↓ -2.13% | 13.0 | 2.6 | 9.9% |
| Công nghiệp | ↑ 0.01% | 14.5 | 2.9 | 29.2% |
| Dầu khí | ↓ -0.75% | 21.1 | 2.1 | 1.8% |
| Dịch vụ Tiêu dùng | ↓ -0.11% | 16.8 | 4.6 | 10.9% |
| Dược phẩm và Y tế | ↓ -0.12% | 13.6 | 2.5 | 2.1% |
| Hàng Tiêu dùng | ↓ -0.69% | 19.2 | 5.6 | 9.5% |
| Ngân hàng | ↓ -1.13% | 11.9 | 2.4 | 9.8% |
| Nguyên vật liệu | ↓ -0.57% | 13.6 | 1.6 | 9.8% |
| Tài chính | ↓ -0.45% | 21.7 | 4.2 | 13.7% |
| Tiện ích Cộng đồng | ↓ -1.70% | 14.8 | 3.2 | 3.2% |
| VN - Index | ↓ -0.77% | 16.5 | 3.9 | 113.6% |
| HNX - Index | ↓ -0.55% | 9.2 | 1.6 | -13.6% |

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường điều chỉnh trở lại trong phiên hôm nay với thanh khoản gia tăng. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 7,79 điểm (-0,77%) xuống 1.000,56 điểm; HNX-Index giảm 0,58 điểm (-0,55%) xuống 104,91 điểm. Thanh khoản trên hai sàn gia tăng so với phiên trước đó và cao mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 4.770 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch là 227 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 1.092 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là tiêu cực với 220 mã tăng, 131 mã tham chiếu, 265 mã giảm. Thị trường tăng vào đầu phiên sáng, nhưng áp lực bán gia tăng mạnh ngay sau đó và kéo dài đến hết phiên đã khiến chỉ số VN-Index lui về gần mốc tâm lý 1.000 điểm. Nhóm cổ phiếu trụ cột chịu áp lực cung và đồng loạt đóng cửa trong sắc đỏ tiêu cực như GAS (-2,3%), VIC (-0,9%), SAB (-1,9%), VHM (-0,3%), VCB (-1,6%), TCB (-1,4%), VRE (-0,4%), MSN (-0,5%), BID (-0,2%), VNM (-0,3%)... Ở chiều ngược lại, chỉ còn một vài trụ cột là duy trì được sắc xanh như VJC (+0,6%), NVL (+0,2%), HDB (+0,3%)... Nhóm cổ phiếu khu công nghiệp ngược dòng thị trường với nhiều mã tăng tốt như PHR (+3,5%), SZL (+6,4%), TIP (+2,7%), SIP (+2,5%), KBC (+2,4%), SNZ (+1,9%), SJS (+0,3%)... TTB (+2,3%) hồi phục sau khi giảm sàn 8 phiên liên tiếp lên mức giá 11.000 đồng, khớp lệnh hơn 330 nghìn cổ phiếu.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Thị trường điều chỉnh trở lại trong phiên hôm nay với thanh khoản gia tăng so với phiên trước đó cho thấy áp lực bán ra là không nhỏ. VN-Index kết phiên ngay trên ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.000 điểm, xa hơn chút nữa là ngưỡng hỗ trợ trung hạn quanh 998 điểm (MA50). Chỉ báo động lượng RSI một lần nữa giảm để quay trở lại test trendline hỗ trợ kể từ tháng 10/2018 đến nay. Có thể thấy là hiện thị trường đang ở một vùng nhạy cảm và phiên tiếp theo sẽ mang tính chất quan trọng quyết định xu hướng trong cả ngắn và trung hạn. Trên thị trường phái sinh, hợp đồng tương lai VN30 tháng 11 duy trì basis dương với chỉ số cơ sở VN30 là 4 điểm; phiên mai cũng là ngày đáo hạn của hợp đồng trên nên nhà đầu tư cần lưu ý là biến động mạnh có thể diễn ra vào cuối phiên giao dịch. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 21/11, VN-Index có thể sẽ bước vào giai đoạn tích lũy trong khoảng 1.000-1.010 điểm (ngưỡng tâm lý-MA20) nhằm ổn định cung-cầu. Nhà đầu tư trung và dài hạn có thể tiếp tục nắm giữ danh mục và đứng ngoài quan sát diễn biến thị trường. Nhà đầu tư ngắn hạn nếu đang có tỷ trọng tiền mặt cao trong danh mục có thể cân nhắc giải ngân bắt đáy một phần nếu VN-Index test vùng hỗ trợ 998-1.000 điểm trong phiên tới.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 20/11/19

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm vào đầu phiên sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 1.009,21 điểm. Tuy nhiên, ngay sau đấy, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số giảm xuống dưới ngưỡng tham chiếu và đà giảm mạnh dần về chiều khiến chỉ số kết phiên ở mức thấp nhất. Kết phiên, VN-Index giảm 7,79 điểm (-0,77%) xuống 1.000,56 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: GAS giảm 2.500 đồng, VIC giảm 1.100 đồng, SAB giảm 4.700 đồng. Ở chiều ngược lại, VJC tăng 900 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm vào đầu phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 105,73 điểm. Nhưng ngay sau đó, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số giảm xuống dưới ngưỡng tham chiếu, đà giảm mạnh dần về chiều với mức thấp nhất trong phiên tại 104,676 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 0,58 điểm (-0,55%) xuống 104,91 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: ACB giảm 300 đồng, PVS giảm 400 đồng, MBG giảm 4.200 đồng. Ở chiều ngược lại, SHB tăng 100 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 13,83 tỷ đồng. VIC là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 40,7 tỷ đồng tương ứng với 350,5 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là HPG với 35,8 tỷ đồng tương ứng với 1,6 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VRE là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 34,2 tỷ đồng tương ứng với 975 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 3,72 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 208 nghìn cổ phiếu. CEO là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 1,9 tỷ đồng tương ứng với 203 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là DHT với 1,4 tỷ đồng tương ứng với 26,9 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, SHB là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 2,8 tỷ đồng tương ứng với 431 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ - ĐẦU TƯ

Việt Nam xuất siêu kỷ lục

10 tháng đầu năm nay, Việt Nam đạt thặng dư thương mại khoảng 9 tỷ USD - mức cao nhất kể từ khi cán cân đổi chiều năm 2012. Về nhập khẩu, giá trị của các doanh nghiệp FDI đạt 121,3 tỷ USD, tăng 3,7% so với cùng kỳ năm trước, chiếm gần 58% tổng giá trị nhập khẩu của Việt Nam.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index điều chỉnh trở lại trong phiên hôm nay và chỉ số hiện kết phiên ngay trên ngưỡng tâm lý 1.000 điểm, khối lượng khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó và cao mức trung bình 20 phiên với 183 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn là tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 1.010 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 998 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, VN-Index vận động trong thị trường giá lên (bull market) với ngưỡng hỗ trợ tại 980 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 21/11, VN-Index có thể sẽ bước vào giai đoạn tích lũy trong khoảng 1.000-1.010 điểm (ngưỡng tâm lý-MA20) nhằm ổn định cung-cầu.

HNX-Index:



HNX-Index điều chỉnh trở lại trong phiên hôm nay và chỉ số hiện kết phiên dưới ngưỡng 105 điểm (MA50), khối lượng khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên với 15,4 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn là tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 105,9 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn là tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 105 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, HNX-Index hiện vận động trong thị trường giá xuống (bear market) với ngưỡng kháng cự tại 105,3 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 21/11, HNX-Index có thể hồi phục trở lại với ngưỡng kháng cự gần nhất quanh 105 điểm (MA50).



TIN TRONG NƯỚC

| | |
|--|--|
| Giá vàng trong nước tăng | Tại thời điểm 15 giờ, Tập đoàn vàng bạc đá quý DOJI niêm yết giá vàng SJC ở mức 41,43 - 41,63 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra), tăng 50.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 110.000 đồng/lượng ở chiều bán ra. |
| Tỷ giá trung tâm tăng 4 đồng | Ngày 20/11, Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ ở mức: 23.139 đồng (tăng 4 đồng). |
| Giá vàng thế giới tăng | Tại thời điểm 15 giờ, giá vàng thế giới tăng 2,75 USD/ounce tương ứng 0,19% lên mức 1.477,05 USD/ounce. |
| Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng | Tại thời điểm 15 giờ, chỉ số US Dollar Index (DXY) tăng 0,13 điểm tương ứng với 0,13% lên 97,99 điểm. USD tăng so với EUR lên mức: 1 EUR đổi 1,1059 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,2899 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 108,41 JPY. |
| Giá dầu thế giới giảm | Tại thời điểm 15 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,15 USD/thùng tương ứng 0,27% xuống mức 55,2 USD/thùng. |
| Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều | Kết thúc phiên giao dịch ngày 19/11, chỉ số Dow Jones giảm 102,2 điểm tương ứng 0,36% xuống 27.934,02 điểm; chỉ số Nasdaq tăng 20,72 điểm tương ứng 0,24% lên 8.570,66 điểm; chỉ số S&P 500 giảm 1,85 điểm tương ứng 0,06% xuống 3.120,18 điểm. |

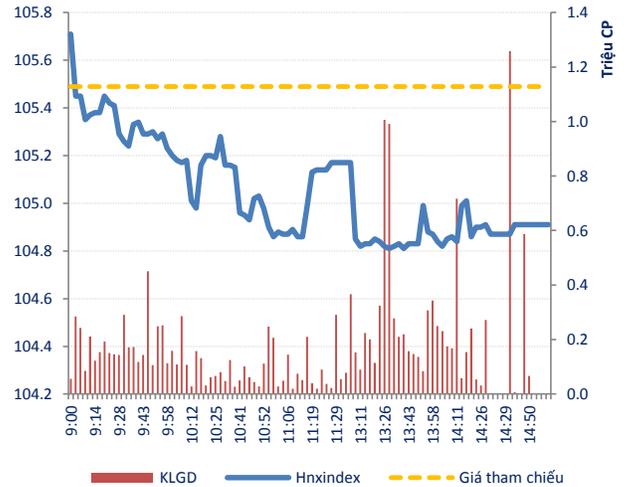


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



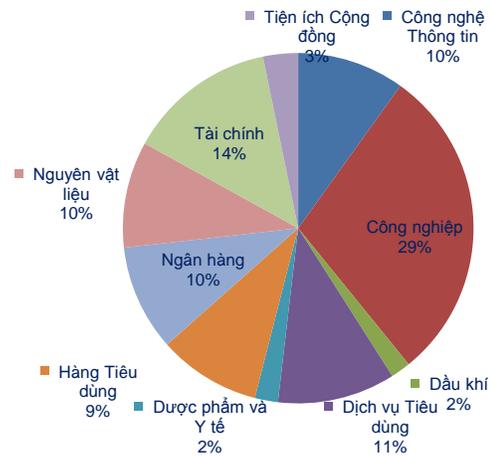
KLGD và HNX-Index trong phiên



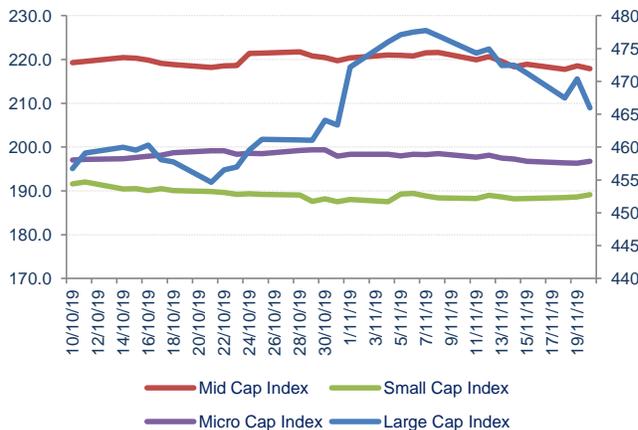
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



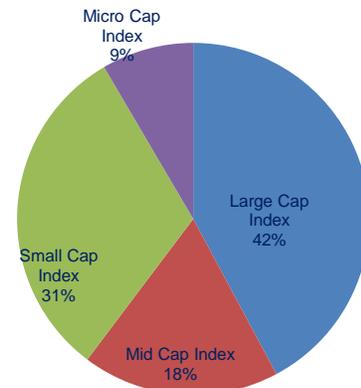
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | ROS | 1,010,700 | HPG | 1,590,210 |
| 2 | VRE | 975,040 | VIC | 350,510 |
| 3 | KBC | 566,160 | STB | 304,410 |
| 4 | LCG | 283,850 | SSI | 274,790 |
| 5 | PVT | 260,430 | PVD | 207,280 |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | SHB | 430,900 | HUT | 335,400 |
| 2 | PVC | 46,400 | CEO | 203,200 |
| 3 | IDJ | 26,800 | NDN | 68,200 |
| 4 | SHS | 22,300 | PVS | 62,000 |
| 5 | VIG | 20,000 | PVX | 52,000 |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| ROS | 25.00 | 25.40 | ↑ 1.60% | 32,163,580 |
| FLC | 4.31 | 4.61 | ↑ 6.96% | 27,658,870 |
| HPG | 22.80 | 22.40 | ↓ -1.75% | 7,373,150 |
| FPT | 58.30 | 56.80 | ↓ -2.57% | 6,821,760 |
| GEX | 21.00 | 20.85 | ↓ -0.71% | 6,626,240 |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|-----------|
| SHB | 6.50 | 6.60 | ↑ 1.54% | 2,713,539 |
| ACB | 24.20 | 23.90 | ↓ -1.24% | 1,507,710 |
| PVS | 18.90 | 18.50 | ↓ -2.12% | 1,388,424 |
| KLF | 1.30 | 1.40 | ↑ 7.69% | 1,113,887 |
| HUT | 2.60 | 2.60 | → 0.00% | 1,047,490 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|----------|------------|----------|------|---------|
| CMBB1904 | 2.65 | 2.90 | 0.25 | ↑ 9.43% |
| CREE1903 | 6.68 | 7.18 | 0.50 | ↑ 7.49% |
| PXI | 2.00 | 2.14 | 0.14 | ↑ 7.00% |
| VAF | 9.05 | 9.68 | 0.63 | ↑ 6.96% |
| FLC | 4.31 | 4.61 | 0.30 | ↑ 6.96% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|----------|
| ACM | 0.40 | 0.50 | 0.10 | ↑ 25.00% |
| VC1 | 11.30 | 12.40 | 1.10 | ↑ 9.73% |
| BXH | 15.50 | 17.00 | 1.50 | ↑ 9.68% |
| STC | 12.50 | 13.70 | 1.20 | ↑ 9.60% |
| GDW | 29.30 | 32.10 | 2.80 | ↑ 9.56% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|----------|------------|----------|-------|-----------|
| CHPG1905 | 1.39 | 0.90 | -0.49 | ↓ -35.25% |
| CVNM1904 | 2.00 | 1.30 | -0.70 | ↓ -35.00% |
| CPNJ1902 | 2.25 | 1.80 | -0.45 | ↓ -20.00% |
| CFPT1906 | 1.88 | 1.53 | -0.35 | ↓ -18.62% |
| CFPT1907 | 3.30 | 2.70 | -0.60 | ↓ -18.18% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|-----------|
| NHP | 0.50 | 0.40 | -0.10 | ↓ -20.00% |
| VTL | 18.00 | 16.20 | -1.80 | ↓ -10.00% |
| GMX | 25.00 | 22.50 | -2.50 | ↓ -10.00% |
| DST | 1.00 | 0.90 | -0.10 | ↓ -10.00% |
| MBG | 42.30 | 38.10 | -4.20 | ↓ -9.93% |

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|---------|-------|------|-----|
| ROS | 32,163,580 | 2.9% | 299 | 85.0 | 2.4 |
| FLC | 27,658,870 | 3250.0% | 405 | 11.4 | 0.4 |
| HPG | 7,373,150 | 17.0% | 2,664 | 8.4 | 1.3 |
| FPT | 6,821,760 | 20.3% | 4,676 | 12.1 | 2.8 |
| GEX | 6,626,240 | 8.8% | 1,506 | 13.8 | 1.6 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| SHB | 2,713,539 | 13.6% | 1,963 | 3.4 | 0.4 |
| ACB | 1,507,710 | 25.1% | 3,581 | 6.7 | 1.6 |
| PVS | 1,388,424 | 7.7% | 2,057 | 9.0 | 0.7 |
| KLF | 1,113,887 | 0.9% | 96 | 14.5 | 0.1 |
| HUT | 1,047,490 | 0.4% | 51 | 50.7 | 0.2 |

Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|--------|--------|------|-----|------|-----|
| MBB190 | ↑ 9.4% | N/A | N/A | N/A | N/A |
| REE190 | ↑ 7.5% | N/A | N/A | N/A | N/A |
| PXI | ↑ 7.0% | 2.9% | 263 | 8.1 | 0.2 |
| VAF | ↑ 7.0% | 2.6% | 321 | 30.1 | 0.8 |
| FLC | ↑ 7.0% | 3.2% | 405 | 11.4 | 0.4 |

Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| ACM | ↑ 25.0% | -1.2% | (114) | - | 0.1 |
| VC1 | ↑ 9.7% | 7.3% | 1,423 | 8.7 | 0.6 |
| BXH | ↑ 9.7% | 6.0% | 1,140 | 14.9 | 0.9 |
| STC | ↑ 9.6% | 14.5% | 2,910 | 4.7 | 0.7 |
| GDW | ↑ 9.6% | 9.9% | 1,620 | 19.8 | 1.9 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| ROS | 1,010,700 | 2.9% | 299 | 85.0 | 2.4 |
| VRE | 975,040 | 9.4% | 1,141 | 30.8 | 2.9 |
| KBC | 566,160 | 7.5% | 1,614 | 9.4 | 0.8 |
| LCG | 283,850 | 14.4% | 2,220 | 3.9 | 0.6 |
| PVT | 260,430 | 13.6% | 2,535 | 7.0 | 1.2 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|--------|-------|-----|-----|
| SHB | 430,900 | 13.6% | 1,963 | 3.4 | 0.4 |
| PVC | 46,400 | 4.5% | 814 | 9.2 | 0.5 |
| IDJ | 26,800 | 16.8% | 1,672 | 4.4 | 0.7 |
| SHS | 22,300 | 13.6% | 1,805 | 4.6 | 0.6 |
| VIG | 20,000 | -11.7% | (719) | - | 0.2 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VIC | 388,129 | 4.0% | 1,361 | 85.2 | 5.0 |
| VCB | 331,945 | 26.3% | 5,269 | 17.0 | 4.1 |
| VHM | 322,223 | 31.9% | 5,276 | 18.2 | 6.0 |
| VNM | 215,931 | 38.2% | 6,134 | 20.2 | 7.9 |
| GAS | 200,965 | 26.0% | 6,351 | 16.5 | 4.4 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| ACB | 39,591 | 25.1% | 3,581 | 6.7 | 1.6 |
| VCS | 13,920 | 45.7% | 8,600 | 10.1 | 4.5 |
| VCG | 12,059 | 8.8% | 1,563 | 17.5 | 1.8 |
| PVS | 8,842 | 7.7% | 2,057 | 9.0 | 0.7 |
| SHB | 7,941 | 13.6% | 1,963 | 3.4 | 0.4 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|------|-----|
| MCP | 3.06 | 4.9% | 656 | 23.5 | 1.2 |
| PIT | 2.64 | -0.5% | (44) | - | 0.5 |
| HCM | 2.59 | 10.3% | 1,448 | 17.0 | 1.7 |
| DAH | 2.56 | 3.4% | 369 | 25.7 | 0.9 |
| DXG | 2.38 | 19.1% | 3,036 | 5.2 | 1.2 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|--------|---------|-----|-----|
| HTP | 3.72 | -0.5% | (61) | - | 0.6 |
| ACM | 3.39 | -1.2% | (114) | - | 0.1 |
| HKB | 3.34 | -39.2% | (2,770) | - | 0.1 |
| ALT | 3.28 | 4.6% | 1,712 | 7.7 | 0.4 |
| NSH | 3.02 | -1.0% | (111) | - | 0.2 |



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, P.Vĩnh Trung
Q.Thanh Khê, Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
